TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2018/HNGĐ
Ngày 19/3/2018
" V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Ngọc Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Tiến Hiệt, bà Lò Thị Le.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Văn Dũng - thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên toà: Bà Phạm Thanh Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp " Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3/2018/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1990, trú tại bản N, xã S, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Có mặt.

Bị đơn: Anh Lường Văn K, sinh năm 1994, trú tại bản V, xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05.12.2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa chị Bùi Thị N (Nguyên đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lường Văn K tìm hiểu và kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán địa phương, cuộc sống thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh K hay rượu chè, đánh đập chị. Sau khi sự việc xảy ra được hai bên gia đình nhắc nhở nhiều lần nhưng không sửa chữa,

thay đổi. Nay về tình cảm chị N xác định không còn yêu thương anh K nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn K.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lường Bảo N, sinh ngày 29/6/2016, hiện đang sống với chị. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lường Văn K, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập tại nơi cư trú, đồng thời thông báo qua điện thoại số 0968532820 (là số máy anh K đang sử dụng), nhưng anh K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến lưu trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng quy định. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị N và anh K đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình:

Về tình cảm: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Lường Văn K;

Về con chung: Giao cháu Lường Bảo N, sinh ngày 29/6/2016 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh Kiên phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

Về án phí: Gia đình anh K, N thuộc hộ nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự cho chị Bùi Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Bùi Thị N và anh Lường Văn K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Lường Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh K kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Xét thấy, tại phiên tòa chị N trình bày giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh K hay uống rượu chửi bới, đánh đập vợ con và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn và cương quyết yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh K có nhiều mâu thuẫn nhưng giữa vợ chồng vẫn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù được hai bên gia đình khuyên giải cho hai bên quay lại đoàn tụ gia đình, chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống cũng khó có thể cải thiện được. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nhung, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị N và anh K có con chung là cháu Lường Bảo N, sinh ngày 29/6/2016, hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Nam và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 11/01/2018 xác định anh Kiên là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định chủ yếu là đi làm thuê và thuộc diện hộ nghèo. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N còn nhỏ sống với chị N đã ổn định và chị N có đầy đủ điều kiện nuôi dạy tốt. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị N trình bày chị và anh K không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, phía anh K không có ý kiến yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị N xác định chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau này các đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, yêu cầu giải quyết nợ chung có đơn khởi kiện tại Tòa án thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Gia đình thuộc hộ nghèo nên miễn án phí dân sự cho chị Bùi Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Lường Văn K.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N đối với anh Lường Văn K nên giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 02/2015 do UBND xã T, huyện Yên Châu cấp ngày 23/12/2015 không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Lường Bảo N, sinh ngày 29/6/2016 cho chị Bùi Thị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Lường Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Lường Văn K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Miễn án phí cho chị Bùi Thị N, chị N được nhận lại 300.000 đồng tiền dự nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2013/04098 ngày 28/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lường Văn K được quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- VKS huyện Yên Châu;
- Chi cục THA huyệnYên Châu;
- UBND xã S;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Đào Ngọc Hà